

Bản án số: 113/2023/HS-PT.
Ngày: 17 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.
Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy
Ông Nguyễn Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 113/2023/TLPT-HS ngày 02-10-2023, đối với bị cáo Võ Văn U' do có kháng cáo của bị cáo U' đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Họ và tên: **Võ Văn U'**, sinh ngày 14/4/1971 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn O (c) và bà Nguyễn Thị D (c); vợ bà Nguyễn Thị Bé E và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án về tội cố ý gây thương tích, bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách tuyên xử 06 tháng tù, theo Bản án số 27/2013/HS-ST ngày 20/6/2013 và Bản án số 72/2013/HS-PT ngày 19/8/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, bị cáo chấp hành xong ngày 21/4/2014 (đã xóa án tích); Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2014 đến nay, (bị cáo có mặt).

***Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn U':** Luật sư Tôn Huỳnh Văn H, thuộc Công ty Luật Minh T và Cộng sự-Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ: đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Võ Văn B, sinh năm 1964, (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với những người có liên quan và những người làm chứng khác tòa không triệu tập, do kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của ông B không liên quan đến họ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 4/2018, bị cáo Võ Văn Ư có hành vi không chấp hành Bản án số 51/2016/DS-ST, ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc buộc bị cáo thực hiện việc giao trả đất cho bà Nguyễn Thị D, cụ thể như sau:

Vợ chồng ông Võ Văn O, sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1933, cùng ngụ Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có tất cả 05 người con gồm các ông, bà Võ Văn B, Võ Thị Đ, Võ Văn T, Võ Văn Ư và Võ Thị N. Lúc còn sống, ông O và bà D tạo lập được khối tài sản khoảng 25 công đất ruộng tầm lớn, tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, sau đó ông O, bà D chia cho 02 người con là ông Võ Văn B và ông Võ Văn T một phần, phần còn lại 18.500m² ông O, bà D tiếp tục sử dụng, đến năm 1988, ông O chết không để lại di chúc, bà D ở chung với gia đình ông Ư, là con trai út của bà D. Đến năm 1992, ông Ư đi kê khai đứng tên quyền sử dụng 18.500 m² đất của ông O, bà D và ông Ư được Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B436661 gồm ba thửa: thửa số 452 diện tích 10.000m², thửa số 454 diện tích 6.000m², và thửa số 455 diện tích 2.500m², đều thuộc tờ bản số 04, đất tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà D sống chung với gia đình ông Ư, do không thuận thảo và thường xuyên xảy ra cãi vã, nên vào năm 2013, bà D có đơn khiếu nại, yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B436661 đã cấp cho ông Ư.

Ngày 25/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 326/QĐ-UBND, về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn Ư với nội dung thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B436661, đối với ba thửa đất: thửa số 452 diện tích 10.000m², thửa số 454 diện tích 6.000m², và thửa số 455 diện tích 2.500m², đều thuộc tờ bản số 04, đất tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, tổng diện tích 18.500m². Ông Ư không đồng ý với Quyết định số 326/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, nên đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách hủy bỏ Quyết định số 326/QĐ-UBND, ngày 25/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách. Tại Bản án số 03/2014/HC-ST, ngày 11/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách tuyên xử bác yêu cầu đơn khởi kiện này của ông Võ Văn Ư.

Ngày 09/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT447979 đối với thửa số 561 diện tích 3.467,4m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT447978 đối

với thửa số 563, diện tích 5.620,2m², cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho bà Nguyễn Thị D, nhưng ông U không cho bà D sử dụng hai thửa số 561 và thửa số 563 này, nên bà D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết buộc ông U cùng gia đình phải trả cho bà D hai thửa đất số 561 và thửa đất số 563.

Tại Bản án số 51/2016/DS-ST, ngày 24/6/2016, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D, buộc ông U và vợ con là bà Nguyễn Thị Bé E, ông Võ Văn Hoàng H và ông Võ Văn Hoàng T phải trả cho bà D 3.467,4m² đất tại thửa số 561 và 5.620,2m² đất tại thửa số 563, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông U vẫn tiếp tục canh tác 02 thửa đất số 561 và thửa số 563 để trồng cây. Bà D đã gửi đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi tiếp nhận đơn, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách đã nhiều lần lập biên bản yêu cầu ông U trả lại 02 thửa đất số 561 và thửa số 563 cho bà D, nhưng ông U vẫn không chấp hành.

Ngày 30/3/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phối hợp với các cơ quan chức năng thi hành Quyết định về việc cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 13/QĐ-CCTHADS, ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, sau khi cưỡng chế đã bàn giao hai thửa đất số 561 và thửa số 563 cho bà D, nhưng ngay sau khi Đoàn cưỡng chế của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách về, thì ông U không chấp hành và thực hiện hành vi nhỏ cọc ranh, tiếp tục sử dụng và canh tác đối với phần đất 5.620,2m² tại thửa số 563, còn phần đất 3.467,4m² tại thửa số 561, ông U chỉ cho bà D cất nhà ở và tự trồng cây để bán trái, lấy tiền sinh sống, ngoài ra ông U không cho bất cứ ai đến phần đất này để trồng cây cho bà D.

Do không sử dụng được hai thửa đất số 561 và thửa số 563 nêu trên, ngày 16/8/2019 bà D làm đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Trinh Phú, huyện Kế Sách xem xét giải quyết dứt điểm để bà D nhận được đất. Ủy ban nhân dân xã Trinh Phú đã tiến hành xác minh nhiều lần và yêu cầu ông U thực hiện giao trả 02 thửa đất số 561 và thửa số 563 cho bà D, nhưng ông U vẫn không chấp hành.

Ngày 31/01/2022, bà Nguyễn Thị D chết, nhưng trước khi chết, vào ngày 15/01/2019, bà D có lập di chúc với nội dung để lại các phần đất 3.467,4m² tại thửa số 561 và 5.620,2m² tại thửa số 563, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, cho người con gái là bà Võ Thị Đ.

Từ kiến nghị khởi tố của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kế Sách chuyển đến, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kế Sách đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ. Xét thấy, vụ việc có dấu hiệu của tội không chấp hành theo quy định tại Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với ông Võ Văn U về tội này.

Trong quá trình điều tra, ông U đã thừa nhận giữa ông U và bà Nguyễn Thị D có quan hệ mẹ con, vì ông U là con trai út, sống cùng với cha, mẹ. Nên sau khi cha ông U (ông O) chết, ông U sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

qua tên ông U và trong thời gian sống chung với mẹ ông U, thì bà D thường xuyên thức sớm, làm ồn ào, không để ai ngủ, nên ông U có nói nặng lời với bà D, từ đó bà D giận cất nhà ở riêng và khởi kiện đòi lại đất đã cho ông U, được Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử chấp nhận, theo Bản án số 51/2016/DS-ST ngày 24/6/2016, nội dung buộc ông U và vợ con là bà Nguyễn Thị Bé E, ông Võ Văn Hoàng H và ông Võ Văn Hoàng T phải trả cho bà D hai phần đất 3.467,4m² tại thửa số 561 và 5.620,2m² tại thửa số 563, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, ông U không chấp hành giao trả hai thửa đất này cho bà D. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng có tiến hành cưỡng chế giao quyền sử dụng đất cho bà D, nhưng sau khi đoàn cưỡng chế về, ông U nhỏ cộc ranh, tiếp tục canh tác hai thửa đất số 561 và thửa số 563 cho đến nay.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 380, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn U phạm tội không chấp hành án.
2. Xử phạt bị cáo Võ Văn U 08 (Tám) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.
3. Về trách nhiệm dân sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng, mà bị cáo U đã tự nguyện bồi, khắc phục hậu quả, theo Biên lai thu tiền số 0003665, ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo U phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 18-8-2023, bị cáo Võ Văn U kháng cáo xin được hưởng án treo.

Cùng ngày 18-8-2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn B kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Võ Văn U giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn B tại phiên tòa phúc thẩm bổ sung thêm kháng cáo xin giảm án cho bị cáo và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng án treo.
- Vị luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn U' và không xem xét bổ kháng cáo, đơn kháng cáo của người có liên quan ông Võ Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Văn U' nộp cho Tòa án nhân dân huyện Kế Sách ngày 24-8-2023, là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Võ Văn U' về việc xin được hưởng án treo.

[2] Đối với đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn B được tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 24/8/2023 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B bổ sung kháng cáo xin giảm án cho bị cáo. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: ***“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ có quyền:... Kháng cáo bản án, quyết định, của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình...”***. Do vậy, trong vụ án này ông Võ Văn B kháng cáo xin cho bị cáo Võ Văn U' được hưởng án treo là không phù hợp với quy định nêu trên. Vì trong vụ án này bị cáo Võ Văn U' phạm tội không chấp hành án, không liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của ông B. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm g khoản 2 điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự, không xem xét kháng cáo của ông Võ Văn B.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn U' đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng. Ngoài ra, vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như Biên bản ghi âm, ghi hình, Biên bản về việc ông U' không cho đoàn kiểm tra xác định hiện trạng thửa đất, bản ảnh hiện trạng thửa đất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được. Cho nên, xác định được vào tháng 4/2018, tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo Võ Văn U' có hành vi nhỏ cọc ranh, không chấp hành việc cưỡng chế thi hành Bản án số 51/2016/DS-ST, ngày 24/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, về việc buộc bị cáo giao trả hai thửa đất số 561 diện tích 3.467,4m² và thửa số 563 diện tích 5.620,2m², cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại Ấp M, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cho bà Nguyễn Thị D. Hành vi của bị cáo thực hiện đã phạm vào tội không chấp hành án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên xử bị cáo phạm tội không chấp

hành án được quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo. Với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 08 tháng tù là quá nặng. Bị cáo cho rằng tự nguyện giao trả lại 02 thửa đất nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào về việc giao trả hai thửa đất nêu trên cho bà D hoặc những người thừa kế của bà D.

[5] Xét thấy, khi lượng hình Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội; đã bồi thường, khắc phục thiệt hại số tiền 4.000.000 đồng, cha của bị cáo là người có công với Nhà nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đã nêu cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 08 tháng tù là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, đặc điểm nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo và xử bị cáo 08 tháng tù là phù hợp. Xét bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm; bị cáo U có nhân thân không tốt; có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và có nơi cư trú rõ ràng, là chưa đủ điều kiện để xem xét cho bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, tình hình tội phạm về không chấp hành án hiện nay diễn biến phức tạp, cần xử lý nghiêm minh đối với người phạm tội, để có tác dụng trừng trị, giáo dục người phạm tội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Cho nên, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội.

[7] Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Đối với số tiền 4.000.000 đồng bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo khắc phục thiệt hại là không chính xác. Thiệt hại trong vụ án này là việc bị cáo không chấp hành án, lẽ ra bị cáo tự nguyện giao hai thửa đất nêu trên cho bà D, đó mới là tình tiết ăn năn, hối cải, biết lỗi, khắc phục việc không chấp hành bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không nhận lại số tiền 4.000.000 đồng này, cho nên cấp phúc thẩm sung quỹ Nhà nước như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[9] Đối với phần lý lịch bị cáo có 03 người con, đứa lớn nhất sinh năm 1990, đứa nhỏ nhất sinh năm 1997. Nhưng cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 05 người con,

đưa lớn nhất sinh năm 1990 và đưa nhỏ nhất sinh năm 1973 là không chính xác. Cấp phúc thẩm nêu lên rút kinh nghiệm.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn Ư và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 380, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38, của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn Ư phạm tội không chấp hành án.
2. Xử phạt bị cáo Võ Văn Ư 08 (Tám) tháng tù, thời gian phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.
3. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng, mà bị cáo Ư đã tự nguyện bồi, khắc phục hậu quả, theo Biên lai thu tiền số 0003665, ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Võ Văn Ư phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện Kế Sách (01);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- CQĐT - Công an huyện Kế Sách (01);
- CQTHAHS-Công an huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- Bị cáo, NCLQ (02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Dũ

- Luru hs, THS (04);